| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH NGHỆ AN** | **CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 02/2021/DS-PT
Ngày 19 – 01 - 2021
*V/v "Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Phấn

*Các Thẩm phán*: Ông Nguyễn Anh Sơn

Bà Thái Thị Hồng Vân

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Xuân - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Phương Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2017/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2017 về "Tranh chấp về kiện đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất".

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 28 tháng 07 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 142/2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *NguY đơn*: Ông Lê Văn H, sinh năm 1964. Cư trú tại: xóm 9 (Nay xóm 5), xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và L ích hợp pháp cho ông H: Bà Nguyễn Thị Tr - Luật sư Công ty Luật hợp danh D - Đoàn luật sư Nghệ An. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Ngô Thị Y, sinh năm 1971. Cư trú tại: Xóm 8 (Nay xóm 6), xã V, huyện Y Thành, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và L ích hợp pháp của bà Y: Bà Nguyễn Thị A - Luật sư Văn phòng luật sư V - Đoàn luật sư Nghệ An. Có mặt.

- *Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Văn Th, sinh năm 1968. Cư trú tại: Bon Yook Rlinh, thị trấn Thắng, huyện Thắng . Đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ông Lê Văn L , sinh năm 1971 (Chồng bà Y). Cư trú tại: Xóm 8 (Nay xóm 6), B, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Bà Nguyễn Thị Tr - Luật sư Công ty Luật hợp danh T - Đoàn luật sư Nghệ An. Có mặt.

3. Bà Lê Thị Ng , sinh năm 1950. Cư trú tại: thôn T, xã D, huyện Đ , tỉnh Đăk Nông. Vắng mặt.

4. Bà Lê Thị Gi , sinh năm 1953. Cư trú tại: xóm 16, xã T, huyện T tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Văn H, NguY đơn; Bà Ngô Thị Y, Bị đơn; Ông Lê Văn Th, ông Lê Văn L , bà Lê Thị Ng , bà Lê Thị Gi là những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2015, các lời khai, H giải và tại phiên tòa sơ thẩm ông Lê Văn H, người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền L ích hợp pháp của ông H thống nhất trình bày:* Bố ông H là Lê Văn Th (chết năm 1990) và mẹ là Nguyễn Thị Ch (chết năm 2002). Bố mẹ ông H sinh được 7 chị em gồm: Bà Lê Thị Ng (chết tháng 9/2005); bà Lê Thị Ng, sinh năm 1950; ông Lê Văn Th (chết năm 2006); bà Lê Thị Gi, sinh năm 1953; ông Lê Văn H; ông Lê Văn Th, sinh năm 1968; ông Lê Văn L, sinh năm 1971. Bố mẹ chết không để lại di chúc, nhưng có di sản để lại là thửa đất số 206, tờ bản đồ số 03, diện tích 1360m$^2$ đứng tên Lê Thị Ng từ năm 1995 (thực chất là Nguyễn Thị Ch, do địa phương khi làm thủ tục cấp bìa đã lấy tên con gái đầu đưa vào bìa đất, việc này đã được chính quyền địa phương xác nhận, đính chính). Khoảng năm 2001 anh L có qua lại, chung sống với chị Y như vợ chồng. Trước thời điểm bà Ch chết thì bà Ch cũng như anh chị em trong gia đình không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa anh L và chị Y. Sau khi bà Ch chết vài tháng thì anh L, chị Y mới về ở tạm tại nhà đất của bố mẹ ông. Đến năm 2004 anh, em của ông có trực tiếp yêu cầu anh L, chị Y trả lại nhà đất của bố mẹ hoặc chia đều cho anh em sử dụng, nhưng vợ chồng anh L không nhất trí. Năm 2005 các anh chị em của ông H đã

có đơn khiếu nại lên chính quyền địa phương yêu cầu trả đất và phân chia đất đai. Ngày 08/8/2005 UBND xã đã triệu tập các bên lên trụ sở Ủy ban để giải quyết tranh chấp và H giải nhưng không thành. Cũng trong năm 2005 anh L, chị Y tự ý xây dựng nhà cửa và một số công trình trên đất. Năm 2007 anh L, chị Y (chủ yếu là chị Y) lập khống giấy chuyển nhượng, giấy thỏa thuận giao đất, tự ý làm bìa đất đứng tên của L, Y và được UBND huyện cấp bìa đỏ tại thửa số 1999, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.025m$^2$, trong đó đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 696m$^2$, phần còn lại là đất lưu không (329m$^2$). Sau khi biết được việc này ông H đã làm đơn khiếu nại về việc cấp bìa đỏ và đến ngày 02/12/2010, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Y Thành đã ra Quyết định thu hồi và hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Lê Văn L, Ngô Thị Y vì việc cấp bìa đất này là trái pháp luật. Nay ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Ngô Thị Y phải dỡ bỏ toàn bộ công trình trên đất, trả lại toàn bộ đất có nguồn gốc của bố mẹ ông, mà hiện tại chị Y đang sử dụng, chiếm dụng (696m$^2$) để các anh chị em trong gia đình gồm Lê Văn H, Lê Văn Th, Lê Văn L, Lê Thị Ng, Lê Thị Gi quản lý, sử dụng.

Bà Lê Thị Ng, bà Lê Thị Gi và người đại diện theo ủy quyền của bà Ng, bà Gi thống nhất lời trình bày và các nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H.

Ông Lê Văn L và người đại diện theo ủy quyền của ông L thống nhất lời trình bày và các nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H.

*Bà Ngô Thị Y và người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và L ích hợp pháp cho bà Y trình bày*: Bà Ngô Thị Y thừa nhận nguồn gốc thửa đất mà vợ chồng bà Y, ông L đang sử dụng là của bố mẹ ông H để lại. Mối quan hệ cha mẹ, anh chị em của ông H đúng như ông H trình bày ở trên. Năm 2000 bà Y về chung sống với anh Lê Văn L và cùng sống chung với bà Nguyễn Thị Ch (Mẹ ông L), vợ chồng bà chịu trách nhiệm chăm sóc bà Ch, đến ngày 13/5/2002 bà Ch chết. Khi còn sống, ngày 15/2/2002 bà Ch viết giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà; ngày 02/03/2002 bà Ch lại viết Di chúc để lại toàn bộ nhà đất cho vợ chồng bà sử dụng. Quá trình sử dụng thửa đất không thấy ai đến đòi chia đất, hay tranh chấp đất. Năm 2004 bà Y có xây 1 điện thờ để thờ cúng. Năm 2005 tất cả anh em trong gia đình đang H thuận với nhau, tháng 01/2005 vợ chồng bà xây 01 nhà ốt (nhà 3 gian lợp prô xi măng), 2 gian nhà cấp 4 phía Tây và nhà kho. Tháng 7/2005 thì tiếp tục xây nhà lớn ba gian cấp 4 + công trình phụ và 1 móng nhà. Thời gian xây dựng nhà cửa, công trình (năm 2005) thì vợ chồng có nhờ anh H mua, chở vật liệu đến để xây dựng. Đến ngày 12/9/2005 giữa chị với anh L mới làm thủ tục đăng ký kết hôn. Năm 2006 do có mâu thuẫn nội bộ nên anh em bên anh H kéo nhau đến đập phá tài sản và đánh đập

anh L (nhưng không phải về việc tranh chấp đất đai). Vụ việc được giao cho ông Sơn cán bộ Công an huyện Y Thành giải quyết. Ngày 02/02/2007 ông Sơn triệu tập anh em con cháu bà Ch có mặt tại UBND xã V để giao bìa đỏ của bà Ch để bà Y, ông L sang tên quyền sử dụng đất (lần này vắng mặt anh Th, nhưng anh Th có gọi điện cho bà Ng nhờ bà Ng ký thay vào văn bản thỏa thuận gia đình cùng ngày 02/02/2007 ký tại trụ sở ủy ban xã). Cũng trong năm 2007 được cấp có thẩm quyền cấp bìa đỏ đứng tên vợ chồng bà Y, ông L với số thửa và diện tích đất như ông H trình bày ở trên. Đến năm 2010 không hiểu lý do gì UBND huyện Y ra Quyết định thu hồi và hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng bà Y. Sau đó bà Y có khiếu nại lên UBND tỉnh và UBND tỉnh có trả lời, nhưng văn bản hiện nay bà Y không lưu giữ được. Bà Y cho rằng thửa đất đã được bà Ch viết Di chúc cũng như anh em trong gia đình thống nhất chuyển giao quyền sử dụng nên thửa đất này vợ chồng bà Y quản lý sử dụng là hợp pháp. Thửa đất này cơ bản do bà Y sử dụng, bởi vì từ năm 2010 giữa bà Y và chồng là ông L xảy ra mâu thuẫn căng thẳng, hai bên sống ly thân, ông L đã bỏ đi làm ăn xa lâu lâu mới về thăm con một lần. Nay ông H khởi kiện yêu cầu bà tháo dỡ toàn bộ công trình trên đất, trả lại đất cho những người nêu trên thì bà Y không đồng ý với yêu cầu của ông H và những người có quyền L nghĩa vụ liên quan.

Ông Lê Văn Th quá trình giải quyết vụ án đã thống nhất với lời trình bày của ông H, nhưng vào ngày 26/6/2017 đã có đơn thay đổi ý kiến: Ông Th không yêu cầu chị Y trả lại đất cũng không yêu cầu chia thừa kế hoặc chia tài sản chung. Trường hợp theo quy định của pháp luật mà ông Th được hưởng một phần diện tích đất trong thửa đất nói trên thì ông Th đề nghị Tòa án giao lại cho 3 người con của anh L, chị Y là các anh Lê Văn Vĩnh, Lê Văn Lý, Lê Văn Luận.

Tại bản án số 08/2017/DS-ST ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y , tỉnh Nghệ An đã quyết định: Áp dụng khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 97, 99, 203 Luật đất đai; Điều 166, 616, 617 Bộ luật dân sự.

Xử: Giao cho chị Ngô Thị Y được quyền sử dụng một phần đất ở (phía Đông) thuộc thửa đất số 1999, tờ bản đồ số 6, QL 7A – xóm 8, xã V, Y Th , Nghệ An (cũ là thửa số 188, bản đồ 299 là tờ số 1), có diện tích là 154m$^2$ tương ứng giá trị là 462.000.000 đồng, có tứ cận cụ thể như sau: Cạnh phía Đông giáp đất bà Tam kéo từ ranh Gi góc Đông Nam về phía Bắc có chiều dài là 26,56m; cạnh phía Nam giáp đất anh Thu và ông Cẩm kéo từ ranh Gi góc Đông Nam về phía Tây, có chiều rộng là 5,8m; cạnh phía Tây là đường thẳng kéo dài từ Nam ra Bắc (điểm đầu nối tiếp với cạnh phía Nam) có chiều dài là 26,56m; cạnh phía Bắc là đoạn thẳng nối 2 điểm cuối của cạnh phía Đông và phía Tây rộng 5,8m.

Tạm giao cho chị Ngô Thị Y được quyền quản lý, sử dụng nhà lớn cấp bốn 3 gian; bếp + công trình phụ; bể nước. Nhưng do khi làm nhà lớn cấp bốn 3 gian thì một phần của nhà lớn; bếp + công trình phụ làm trên phần đất quy hoạch hành lang giao thông nên khi Nhà nước có nhu cầu sử dụng đất hành lang phục vụ vào việc công thì chị Y phải có nghĩa vụ giải tỏa theo quy định chung. Anh Lê Văn L nếu có yêu cầu chia tài sản trên đất (phần tạm giao cho chị Y) thì khởi kiện bằng vụ án khác.

Buộc chị Ngô Thị Y phải có nghĩa vụ giao lại tiền đất ở cho: Anh Lê Văn H, anh Lê Văn Th, anh Lê Văn L, bà Lê Thị Ng, bà Lê Thị Gi, số tiền là 462.000.000 đồng, nhưng được tính trừ 80.000.000 đồng tiền duy trì, tôn tạo đất ở, số tiền còn phải giao lại là: 382.000.000 đồng.

Buộc chị Ngô Thị Y phải giao lại quyền sử dụng 542m$^2$ đất ở thuộc thửa đất số 1999, tờ bản đồ số 6, QL 7A – xóm 8, xã Viên Thành, Y , Nghệ An (cũ là thửa số 188, bản đồ 299 là tờ số 1), (đã trừ phần đất quy hoạch hành lang giao thông) cho anh Lê Văn H, anh Lê Văn Th, anh Lê Văn L, bà Lê Thị Ng, bà Lê Thị Gi. Tứ cận cụ thể: Cạnh phía Đông là đường ranh Gi chung với phần đất được giao cho chị Y sử dụng, chiều dài 26,56m; cạnh phía Nam giáp đất anh Thu và ông Cẩm, dài 15,96m; cạnh phía Tây giáp đất ông Toàn, bà Tứ là đường thẳng gấp khúc gồm nhiều đoạn (26,94m + 2,44m + 7,69m + 4,44m); cạnh phía Bắc giáp đất lưu không có chiều dài kéo từ ranh Gi đất giao cho chị Y về phía Tây là 23,89m.

Buộc chị Ngô Thị Y và anh Lê Văn L phải tự tháo dỡ các công trình trên phần đất được giao cho anh Lê Văn H, anh Lê Văn Th, anh Lê Văn L, bà Lê Thị Ng, bà Lê Thị Gi, gồm 1 móng nhà, nhà cấp bốn 3 gian lợp prôximăng, nhà cấp bốn 2 gian, nhà kho, điện thờ và toàn bộ mái tôn tồn tại trên đất được giao, đồng thời phải có nghĩa vụ di dời ngôi mộ tồn tại ở góc phía Tây Nam thửa đất.

Ngoài ra bản án còn tuY nghĩa vụ thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 11/8/2017, ông Lê Văn H làm đơn kháng cáo với nội dung: Không đồng ý với phần quyết định giao cho chị Y được quyền sử dụng một phần đất phía Đông có diện tích 154m$^2$ thuộc diện tích thửa đất đang có tranh chấp mà yêu cầu chị Y trả lại toàn bộ cho anh em quản lý, sử dụng; không nhất trí với quyết định trích công sức cho chị Y đối với thửa đất, bởi vì không ai nhờ chị Y trông coi, quản lý thửa đất.

Ngày 08/8/2017 bà Ngô Thị Y làm đơn kháng cáo và ngày 15/8/2017 kháng cáo bổ sung với nội dung: Quá trình giải quyết vụ án bà Y đã cung cấp cho Tòa án nhiều tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình nhưng Tòa án cấp sơ

thẩm không tiến hành điều tra, xác minh để làm rõ; Tòa án chỉ trích công sức 80.000.000đ là không đúng với công sức, tiền của mà bà đã bỏ ra; Tòa án buộc bà phải tháo dỡ các công trình mà bà đã xây dựng trên thửa đất là không đảm bảo quyền L cho mẹ con bà. Quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Văn Th đã có đơn đề nghị Tòa án giao phần thừa kế của ông Th cho các cháu Lê Văn Lĩnh, Lê Văn Lý, Lê Văn Luận nhưng Tòa án vẫn giao cho anh Th là vi phạm sự tự định đoạt của các đương sự, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền L của các con bà. Vì vậy, bà Y đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung và hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 08/8/2017, ông Lê Văn L, bà Lê Thị Ng, bà Lê Thị Gi làm đơn kháng cáo với nội dung: Không đồng ý với phần quyết định giao cho bà Y được quyền sử dụng một phần đất phía Đông có diện tích 154m$^2$ tương ứng với số tiền 462.000.000đ thuộc diện tích thửa đất đang có tranh chấp mà yêu cầu bà Y trả lại toàn bộ cho anh em quản lý, sử dụng; không nhất trí trích công sức 80.000.000đ cho bà Y đối với thửa đất, bởi vì không ai nhờ bà Y trông coi, quản lý thửa đất.

Ngày 08/8/2017, ông Lê Văn Th làm đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án xét xử phúc thẩm phân chia di sản thừa kế của cha mẹ ông cho 07 người con trong gia đình; những tài sản trên đất, công sức tôn tạo, nghĩa vụ đóng thuế thì tất cả những người được hưởng tài sản thừa kế trả lại cho em dâu Ngô Thị Y. Ngày 13/5/2020 ông Th thay đổi nội dung kháng cáo yêu cầu Bà Y trả lại toàn bộ thửa đất cho anh, chị em của ông vì trước đây ông chưa nhận thức được.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Văn H giữ nguY nội dung kháng cáo và bổ sung nội dung đề nghị cấp phúc thẩm buộc bà Ngô Thị Y phải tháo dỡ toàn bộ nhà và các công trình trên đất trả lại toàn bộ thửa đất cho anh chị em ông H.

Bà Lê Thị Gi thống nhất như nội dung kháng cáo của ông Lê Văn H.

Đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn L giữ nguY nội dung kháng cáo và bổ sung; nếu Tòa án trích công sức tôn tạo đất cho bà Y thì ông L yêu cầu bà Y phải trích cho ông một phần, vì hiện ông L, bà Y đang là vợ chồng hợp pháp.

Ông Lê Văn Th vắng mặt, nhưng giữ nguY nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng cả về thủ tục tố tụng và nội dung làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và L ích hợp pháp của đương sự, tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được; bà Lê Thị Ng là người kháng cáo đã được tòa án triệu tập hợp lệ

hai lần vắng mặt. Do đó, kháng cáo của ông Lê Văn H, bà Ngô Thị Y, bà Lê Thị Gi, ông Lê Văn Th, Lê Văn L là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị cấp phúc thẩm; Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Ng; Hủy bản dân sự sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo trình tự sơ thẩm. Về án phí, chi phí tố tụng giải quyết theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, người đại diện theo ủy quyền của các đương sự, người bảo vệ quyền L ích hợp pháp của nguY đơn, kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa phúc thẩm. Xét nội dung kháng cáo của ông Lê Văn H, ông Lê Văn L, bà Lê Thị Ng, bà Lê Thị Gi, Lê Văn Th và bà Ngô Thị Y, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị Ng là người có kháng cáo, tuy nhiên mặc dù tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lí do. Do đó Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của bà Lê Thị Ng.

Đối với ông Lê Văn Th có đơn đề nghị vắng mặt và ông Lê Văn L có người đại diện theo ủy quyền, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Bà Ngô Thị Y và ông Lê Văn L sống chung với nhau từ năm 2000, ngày 12/9/2005 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Y Thành. Khi bà Y, ông L mới đến với nhau thời gian đầu hai người khi thì ở bên nhà bà Y, khi thì ở bên nhà ông L (ông L ở cùng mẹ là cụ Nguyễn Thị Ch). Đến năm 2002 thì vợ chồng ông L, bà Y chuyển đến ở hẳn với cụ Ch trên thửa đất số 206, tờ bản đồ số 03, tại xóm 8, xã V, huyện Y diện tích 1.360m$^2$ đã được UBND huyện Y cấp GCNQSD đất mang tên cụ Nguyễn Thị Ch (Lê Thị Ng) năm 1995. Năm 2007 vợ chồng bà Y, ông L làm thủ tục kê khai thửa đất và được UBND huyện Y cấp GCNQSD đất mang tên vợ chồng ông L, bà Y thuộc thửa đất số 1999, tờ bản đồ số 06, diện tích 696m$^2$ còn lại 329m$^2$ là đất lưu không, thuộc hành lang giao thông, tại xóm 8 (Nay xóm 6), xã V, huyện Y , tỉnh Nghệ An.

Trong quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng bà Ngô Thị Y, ông Lê Văn L và các ông Lê Văn H, Lê Văn Th, bà Lê Thị Ng, bà Lê Thị Gi đều xác định và thừa nhận: Nguồn gốc thửa đất số 1999, tờ bản đồ số 06 (thửa mới) diện tích 696m$^2$ và 329m$^2$ đất lưu không, có nguồn gốc thuộc thửa đất số 206, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.360m$^2$ là của vợ chồng cụ Lê Văn Thể và cụ Nguyễn Thị Ch (bố mẹ các ông H, ông Th, ông L,

bà Ng, bà Gi) để lại. Cụ Lê Văn Thể chết năm 1990, cụ Nguyễn Thị Ch chết ngày 13/5/2002.

Bà Ngô Thị Y cho rằng: Nguốc gốc thửa đất là của vợ chồng cụ Thể, cụ Ch bố mẹ ông L, nhưng năm 2002 cụ Nguyễn Thị Ch đã làm thủ tục chuyển nhượng; di chúc và ngày 02/02/2007 các anh chị em ông L, ông H…đã thỏa thuận cho vợ chồng bà Y, ông L toàn bộ thửa đất. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm ông Lê Văn L chồng bà Y không công nhận việc cụ Ch làm hợp đồng chuyển nhượng hoặc di chúc và anh chị em các con cụ Ch, cụ Thể tặng cho vợ chồng bà Y, ông L toàn bộ thửa đất và bà Ngô Thị Y cũng chưa có đủ căn cứ, tài liệu chứng minh. Mặt khác, sau khi biết được UBND huyện Y Thành cấp GCNQSD thửa đất cho vợ chồng bà Ngô Thị Y, ông Lê Văn L năm 2007. Ông Lê Văn H là một trong 7 người con của cụ Lê Văn Thể và cụ Nguyễn Thị Ch khiếu nại. Tại quyết định số 4619 ngày 02/12/2010 của UBND huyện Y Thành đã quyết định thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất đã cấp cho vợ chồng bà Y, ông L. Bà Y, ông L đã nhận được quyết định thu hồi và hủy GCNQSD đất của UBND huyện Y Thành nhưng không có ý kiến gì.

Như vậy có đủ căn cứ xác định: Thửa đất số 206, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.360m$^2$ (năm 1995), nay là thửa đất số 1999, tờ bản đồ số 06 (thửa mới diện tích 1.025m$^2$, trong đó, 696m$^2$ và 329m$^2$ đất lưu không) tại xóm 8 (Nay xóm 6), xã Viên Thành, huyện Y Thành, tỉnh Nghệ An có nguồn góc là của vợ chồng cụ Lê Văn Thể và cụ Nguyễn Thị Ch để lại. Thửa đất hiện đang do vợ chồng ông L, bà Y quản lý, sử dụng và xây dựng nhà, các công trình sử dụng từ năm 2002 đến nay.

Ngày 10/7/2015 ông Lê Văn H (con cụ Thể, cụ Ch) làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Y Thành buộc bà Ngô Thị Y phải tháo dỡ toàn bộ nhà, các công trình xây dựng trên đất trả lại toàn bộ thửa đất cho các ông Lê Văn H, bà Lê Thị Ng, bà Lê Thị Gi, ông Lê Văn Th, ông Lê Văn L quản lý, sử dụng. Cấp sơ thẩm thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất". Quá trình giải trình vụ án, căn cứ thực trạng thửa đất, các công trình nhà, tài sản trên đất và công sức, quản lý, tôn tạo đất của bà Ngô Thị Y cấp sơ thẩm trích công sức tôn tạo đất cho bà Ngô Thị Y (Chỉ bà Y không có ông L là chồng) bằng quyền sử dụng đất và buộc bà Ngô Thị Y phải giao lại quyền sử dụng 542m$^2$ và 382.000.000đ giá trị quyền sử dụng đất (đã trừ 80 triệu công sức) thuộc thửa đất số 1999, tờ bản đồ số 6, Quốc lộ 7A, xóm 8, xã Viên Thành, huyện Y Thành (Thửa cũ là thửa đất số 188, bản đố 299, số 1; thửa mới đã trừ hành lang giao thông) cho các ông Lê Văn H, ông Lê Văn Th, ông Lê Văn L (chồng bà Y) bà Lê Thị Ng, bà Lê Thị Gi sử dụng, sở hữu.

Vợ chồng cụ Lê Văn Thể và cụ Nguyễn Thị Ch có 07 người con gồm: Bà Lê Thị Ng, sinh năm 1947; ông Lê Văn H sinh năm 1964; Lê Văn Th sinh năm 1968; bà Lê Thị Ng sinh năm 1950; bà Lê Thị Gi sinh năm 1953; ông Lê Văn L sinh năm 1971 (chồng bà Y); ông Lê Văn Th sinh năm 1951. Trong đó có bà Lê Thị Ng chết năm 2005 có chồng ông Nguyễn Hữu Điêm và 06 người con gồm; Nguyễn Thị Vân, Nguyễn Thị Triều, Nguyễn Thị Việt, Nguyễn Thị Nam, Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Hữu Tịnh. Ông Lê Văn Th chết năm 2006 có vợ là bà Phan Thị Nhiễu và 05 người con gồm; Lê Văn Hùng, Lê Văn Cường, Lê Văn Vương, Lê Văn Cương, Lê Thị Thìn. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, mặc dù các anh Hùng, Cường, Vương, Cương, chị Thìn và bà Nhiễu là vợ con của ông Th có ý kiến quan điểm giao toàn bộ mảnh đất cho vợ chồng bà Y, ông L; nếu phải chia thì họ đề nghị cắt 1/3 diện tích để làm nơi thờ cúng, còn lại chia cho các thừa kế, phần của họ nhường cho các con của ông L, bà Y. Đối với các ông Nguyễn Hữu Điêm chồng bà Ng và các con của bà Ng không được cấp sơ thẩm thông báo để họ tham gia tố tụng và có quan điểm về việc giải quyết tranh chấp. Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 14/12/2017 và ngày 15/12/2020 các đồng thừa kế của bà Lê Thị Ng, ông Nguyễn Hữu Điêm và 06 người con gồm; Nguyễn Thị Vân, Nguyễn Thị Triều, Nguyễn Thị Việt, Nguyễn Thị Nam, Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Hữu Tịnh và bà Phan Thị Nhiễu vợ ông Lê Văn Th có đơn khiếu nại cho rằng; Thửa đất hiện đang tranh chấp là di sản của cụ Thể, cụ Ch để lại, bà Ng vợ, mẹ của ông, các anh, chị là thuộc hàng thừa kế thứ nhất (01/7 người con của cụ Thể, cụ Ch). Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án ông Lê Văn Th, bà Phan Thị Nhiễu và một số người con của ông Th cho rằng, nếu được giao phần di sản của cụ Thể, cụ Ng thì họ nhường lại cho bà Y cùng các con của vợ chồng bà Y, ông L. Nhưng cấp sơ thẩm không hỏi ý kiến cũng không đưa họ vào tham gia tố tụng và không xem xét đến quyền tự định đoạt của các đương sự, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và L ích hợp pháp của họ.

Như vậy, trong vụ án này trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự và Tòa án cấp sơ thẩm đều xác định; diện tích thửa đất đang tranh chấp là của vợ chồng cụ Lê Văn Thể và cụ Nguyễn Thị Ch để lại. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm không đưa các đồng thừa kế của bà Lê Thị Ng và các thừa kế của ông Lê Văn Th tham gia tố tụng và cũng không thu thập ý kiến quan điểm của họ về di sản của cụ Thể, cụ Ch. Và quyết định giao toàn bộ phần di sản của vợ chồng cụ Thể, cụ Ch cho các ông H, ông L, ông Th, bà Ng, bà Gi (05/07 người) sử dụng, sở hữu là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền và L ích hợp pháp của các đồng thừa kế của các con bà Lê Thị Ng và ông Lê Văn Th.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án bà Ngô Thị Y xuất trình một Giấy thỏa thuận ngày 02/02/2007; một giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 15/02/2002 và 01 bản di chúc đề ngày 02/3/2002 của cụ Nguyễn Thị Ch cho vợ chồng ông L, bà Y toàn bộ thửa đất. Cấp sơ thẩm chưa tiến hành xác minh hoặc giám định, nhưng đã kết luận 03 văn bản nêu trên giả mạo là chưa đủ căn cứ. Hơn nữa, các bên đương sự xác định vợ chồng bà Y, ông L (chủ yếu là bà Y) sống trên thửa đất từ năm 2002 đã tiến hành xây dựng các công trình và có công sức quản lý, tôn tạo đất. Việc xây dựng, tạo lập tài sản trên đất các đồng thừa kế của cụ Ch, cụ Thể biết không có ai có ý kiến gì phản đối và cũng không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm. Các loại tài sản trên đất do vợ chồng ông L, bà Y tạo lập nên, nhưng cấp sơ thẩm chỉ buộc bà Ngô Thị Y phải tự tháo dỡ toàn bộ tài sản trên đất và trích cho bà Y công sức trị giá 80 triệu đồng là quá thấp không đảm bảo quyền L ịch hợp pháp của bà Y. Và cấp sơ thẩm còn xác định trên thửa đất có ngôi mộ, chưa xác định ngôi mộ của ai, do ai xây dựng, nhưng buộc bà Y phải di dời để trả đất cho ông H, ông Th, ông L bà Gi, bà Ng là không phù hợp, gây khó khăn cho công tác thi hành án.

Những vi phạm, thiếu sót nêu trên của cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng cả về thủ tục tố tụng và nội dung làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và L ích hợp pháp của các đương sự, tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, cần chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Lê Văn H, bà Ngô Thị Y và anh bà Lê Thị Gi, ông Lê Văn Th, Lê Văn L, hủy bản án sơ thẩm. Giao hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về án phí, chi phí tố tụng khác:

*[3.1]* Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác sẽ được giải quyết khi giải quyết lại vụ án.

*[3.2]* Án phí dân sự phúc thẩm: Ông H, ông Th, ông L, bà Gi và bà Y không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; Bà Lê Thị Ng phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên*;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 289, khoản 3 Điều 296, khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần

kháng cáo của ông Lê Văn H, ông Lê Văn L, ông Lê Văn Th, bà Lê Thị Gi và bà Ngô Thị Y. TuY xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của bà Lê Thị Ng.

2. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y Thành, tỉnh Nghệ An. Giao hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

3. Về án phí, chi phí tố tụng khác:

*3.1.* Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác sẽ được giải quyết khi giải quyết lại vụ án.

*3.2.* Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Lê Văn H, bà Ngô Thị Y, bà Lê Thị Gi, Lê Thị Ng, ông Lê Văn Th, Lê Văn L mỗi người 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y Thành, tỉnh Nghệ An cùng ngày 17/8/2017 theo các Biên lai thu số 0002409 (Ông H); Biên lai số 0002405 (Bà Y); Biên lai số 0002406 (Ông Th); Biên lai số 0002412 (Ông L); Biên lai số 0002410 (Bà Gi);

Bà Lê Thị Ng phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y Thành, tỉnh Nhệ An theo Biên lai thu số 0002411 ngày 17/8/2017.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuY án.

***Nơi nhận:***
- *Các đương sự;*
- *VKSND tỉnh Nghệ An;*
- *TAND huyện Y ;*
- *Chi Cục THADS h. Y .*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Phấn**